

THÔNG BÁO

V/v xin báo giá hóa chất, hóa chất xét nghiệm

Lời đầu tiên, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác từ các quý đơn vị.

Căn cứ Công văn số 2092/SYT-NVD ngày 4/8/2023 của Sở Y tế về việc danh mục vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm năm 2023- 2024 không lựa chọn được nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 2317/SYT-NVD ngày 23/8/2023 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc kết quả lựa chọn nhà thầu vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng một số hóa chất, hoá chất xét nghiệm không có kết quả trúng thầu hoặc trúng thầu nhưng không đủ số lượng, xin mua bổ sung hoặc bổ sung mới để phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện, Bệnh viện đang tiến hành lập kế hoạch mua sắm bổ sung các hóa chất, hoá chất xét nghiệm này theo hình thức đấu thầu rộng rãi;

Để có cơ sở xây dựng giá kế hoạch, Bệnh viện kính mong các công ty quan tâm gửi báo giá các mặt hàng hóa chất, hóa chất xét nghiệm theo Danh mục mặt hàng, số lượng như Phụ lục đính kèm.

Các Công ty gửi báo giá ghi rõ “Báo giá hóa chất, hóa chất xét nghiệm” và gửi về Bộ phận Văn thư của Bệnh viện chậm nhất đến ngày 10 /10/2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các công ty;
- Website BV;
- Phòng VT-TBYT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thiều

PHỤ LỤC

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG HÓA CHẤT, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM XIN MUA DÙNG TRONG BỆNH VIỆN NĂM 2023-2024

(Đính kèm Thông báo số: **1529/TB-BVĐK** ngày **29/9/2023** của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng
I. Danh mục không trúng thầu tập trung năm 2023					
1	1	Cồn 96°	96 độ, dạng lỏng.	Lít	3.000
2	2	Cồn tuyệt đối	Ethanol ≥ 99.5 %. Chai 1 lít	Chai	150
3	3	Muối viên tinh khiết	Dạng muối viên. Bao 25kg	Kg	900
4	4	Dengue IgG / IgM	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Độ nhạy ≥ 91%, Độ đặc hiệu ≥ 90%.	Test	2.600
5	5	HBsAg	Cassette Độ nhạy: ≥ 90% Độ đặc hiệu: ≥ 90%.	Test	500
6	6	HBeAg	Cassette Độ nhạy: ≥ 90% Độ đặc hiệu: ≥ 90%.	Test	36
7	7	Test chẩn đoán viêm dạ dày dùng trong nội soi (H. Pylori test)	Test Helicobacter pylori (Nội soi dạ dày).	Test	3.700
8	8	Test thử sốt rét kháng nguyên (PF/PV)	Phát hiện phân biệt kháng nguyên P.f và P.v trong mẫu máu toàn phần. Độ nhạy ≥ 99% (P.f), ≥ 95%(P.v). Độ đặc hiệu ≥ 99%.	Test	100
9	9	Que thử đường huyết tại giường	Mẫu thử Máu mao mạch Thể tích mẫu: 0,5 µL – 2 µL Phạm vi đo: 10-600 mg / dl (0,6-33,3 mmol / l) - Thời gian thử: ≤ 15 giây	Test	6.000
10	10	Hồng cầu mẫu	Thành phần: Mỗi lọ sinh phẩm 10 ml gồm: - Hồng cầu khối : 0,5 ml - Dung dịch bảo quản và nuôi dưỡng hồng cầu: 9,5 ml. - Nồng độ: dung dịch hồng cầu 5%. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Quy cách đóng gói: Mỗi bộ hồng cầu gồm 3 lọ: Hồng cầu mẫu A, Hồng cầu mẫu B, Hồng cầu mẫu O, thể tích mỗi lọ là 10 ml	Bộ	6
11	11	Anti human Globulin	Dùng thực hiện xét nghiệm Antiglobulin/ Combs trực tiếp và gián tiếp. Lọ 10ml	Lọ	24
12	12	Clean Solution hoặc tương đương	Thành phần: Natri Hidroxit; trong dung dịch nước với chất hoạt động bề mặt anion, chất hoạt động bề mặt không ion và phốt phát. Chai 1 x 500ml. Tương thích máy CP 2000	Chai	108
13	13	ProGRP Elecsys hoặc tương đương	Nguyên lý Miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA). Hộp 100 test. Tương thích máy Cobas E411	Hộp	3
14	14	BILIRUBIN (DIRECT)	Độ tuyến tính: ≥ 137 µmol/l (81.1 mg/l); Độ nhạy: ≤ 1.42 ηmol/l. Hộp: R1 2x30ml, R2a 8x4ml, R2b 1x2ml	Hộp	3
15	15	CLEAN PROTECT hoặc tương đương	Dung dịch súc rửa các mao quản trong hệ thống tự động CAPILLARYS và MINICAP. Hộp: 1 x 5 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	4
16	16	Kit chạy chứng, xác nhận mức bình thường xét nghiệm Hemoglobin	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm điện di Hemoglobin mức bình thường HbA2, có thành phần là mẫu máu đông khô. Hộp: 5 x 1.6 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	2
17	17	Kit chạy chứng, xác nhận mức bất thường xét nghiệm Hemoglobin	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm điện di Hemoglobin mức bất thường HbA2, có thành phần là mẫu máu đông khô. Hộp: 1 x 1.6 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	3
18	18	Ống và nắp cho chiết tách mẫu kiểm chuẩn	Ống và nắp dùng chiết tách hóa chất kiểm chuẩn. Hộp: 20 tubes/cap. Tương thích máy MINICAP	Hộp	2
19	19	Dung dịch rửa kim	Hóa chất vệ sinh đầu dò mẫu trên thiết bị tự động điện di mao quản 2 đầu di. Hộp/1 x 25 ml. Tương thích máy MINICAP	Hộp	2
20	20	Creatinin	Dải đo: từ ≤ 5 đến ≥ 2200 umol/L; phương pháp: Jaffe Kinetic. Hộp 4 x51ml + 4 x51ml	Hộp	15

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
21	21	Que thử nước tiểu Combur-10-M hoặc tương đương	Que thử mười thông số nước tiểu để đánh giá bằng phương pháp quang phổ kế phân xạ. Giá trị kết quả Glucose: NORM, 3, 6, 17, 56 mmol/L (NORM, 50, 100, 300, 1000 mg/dL). 100 test/ hộp	Hộp	40
22	22	Microalbumin Control Level 1	Nội kiểm một số chất định lượng trong nước tiểu (thực hiện được nội kiểm Microalbumin niệu); Mức bình thường	ml	240
23	23	Microalbumin Control Level 2	Nội kiểm một số chất định lượng trong nước tiểu (thực hiện được nội kiểm Microalbumin niệu); mức bệnh lý	ml	240
24	24	Para 12 Plus High	Hóa chất nội kiểm huyết học xét nghiệm máu toàn phần mức cao. Ổn định đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở 2 °C đến 10 °C. Tương thích máy CELL-DYN 3200, 3500/3700, Ruby, Hộp 3ml	Hộp	1
25	25	Para 12 Plus Low	Hóa chất nội kiểm huyết học xét nghiệm máu toàn phần mức thấp. Ổn định đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở 2 °C đến 10 °C. Tương thích máy CELL-DYN 3200, 3500/3700, Ruby, Hộp 3ml	Hộp	1
26	26	Para 12 Plus Normal	Hóa chất nội kiểm huyết học xét nghiệm máu toàn phần mức bình thường. Ổn định đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở 2 °C đến 10 °C. Tương thích máy CELL-DYN 3200, 3500/3700, Ruby, Hộp 3ml	Hộp	1
27	27	Blood Base Agar	Công dụng: Môi trường được sử dụng với việc bổ sung máu vô trùng, để phân lập, nuôi cấy và phát hiện hoạt động tán huyết của Streptococci và các vi sinh vật khó tính khác. Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >= 36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	7
28	28	Brain Heart Infusion (BHI) Broth	Công dụng: Môi trường để nuôi cấy nhiều loại vi sinh vật khó tính và không khó tính, bao gồm cả vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí từ nhiều mẫu bệnh phẩm và lâm sàng Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >= 36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	2
29	29	Đĩa kháng sinh đồ các loại	Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm các loại kháng sinh. 5x50 đĩa /hộp	Hộp	63
30	30	HBV - DNA PCR Định lượng	Có sổ lưu hành trang thiết bị chẩn đoán in vitro của Bộ Y tế còn hiệu lực. - Bộ sinh phẩm xét nghiệm định lượng virus HBV bằng kỹ thuật Realtime PCR. - Bộ sinh phẩm gồm: Chứng âm, chứng dương, chất chuẩn, master mix, sinh phẩm tách chiết DNA (không dùng máy tách chiết), PCR tube - Tích hợp chứng nội để loại bỏ âm tính giả trong quá trình xét nghiệm. - <u>Phù hợp cho máy Realtime PCR Stratagene MX3005P</u> - <u>Độ nhạy: từ 100 copies/phản ứng; Độ đặc hiệu: 100%.</u>	Test	2.520
31	31	HCV PCR Định lượng	Có sổ lưu hành trang thiết bị chẩn đoán in vitro của Bộ Y tế còn hiệu lực. - Bộ sinh phẩm xét nghiệm định lượng virus HCV bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR. - Bộ sinh phẩm gồm: Chứng âm, chứng dương, chất chuẩn, master mix, sinh phẩm tách chiết RNA (không dùng máy tách chiết), PCR tube, sinh phẩm tổng hợp cDNA (nếu thực hiện 2 bước) - Tích hợp chứng nội để loại bỏ âm tính giả trong quá trình xét nghiệm. - <u>Phù hợp cho máy Realtime PCR Stratagene MX3005P</u> - <u>Độ nhạy: từ 100 copies/phản ứng; Độ đặc hiệu: 100%.</u>	Test	50
32	32	Macconkey Agar	Môi trường nuôi cấy vi sinh dạng tổng hợp. Lọ 500 g	Lọ	6
33	33	Máu cừu khử sợi huyết	Sử dụng bổ sung vào môi trường thạch máu để nuôi cấy vi khuẩn khó tính và kiểm tra đặc tính tan huyết của vi khuẩn. - Vô trùng. - Không bổ sung chất chống đông. 10ml - 20ml/ đơn vị đóng gói	ml	2.000
34	34	Mueller Hilton Agar	Công dụng: Môi trường dùng trong thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh đối với vi khuẩn thông dụng, phát triển nhanh Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	4

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng
35	35	PCR lao	Có số lưu hành trang thiết bị chẩn đoán in vitro của Bộ Y tế còn hiệu lực. - Bộ sinh phẩm xét nghiệm định tính vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis) bằng kỹ thuật Realtime PCR. - Bộ sinh phẩm gồm: Chứng âm, chứng dương, master mix, sinh phẩm tách chiết DNA (không dùng máy tách chiết), PCR tube - Tích hợp chứng nội để loại bỏ âm tính giả trong quá trình xét nghiệm. - <u>Phù hợp cho máy Realtime PCR Stratagene MX3005P</u> - Độ nhạy: từ 100 copies/phản ứng; Độ đặc hiệu: 100%.	Test	50
36	36	Simmons citrate agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	1
37	37	Anti DNA	- Độ nhạy: ≥ 90% - Độ đặc hiệu: ≥90%	Test	50
38	38	Bộ nhuộm BK đậm	Bộ thuốc nhuộm Zielh neelsen	Bộ	5
39	39	Bộ thuần nhất và xử lý mẫu	Dùng để thực hiện kỹ thuật thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm các mẫu thử có chứa đàm,	Test	100
40	40	Bộ thuốc nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là CrystalViolet, Lugol, Alcohol và Safranin	Bộ	3
41	41	Kligler iron mil (KIA)-Kligler iron Agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	1
42	42	Môi trường Manitol Salt agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Hộp	1
43	43	Sabouraud Malt Agar	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Hộp	2
44	44	Salmonella Shigella gel (S.S agar)	Dạng sử dụng: dạng bột Hạn sử dụng: >=36 tháng Độ bền sau khi mở nắp: đến khi hết hạn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500 g	Lọ	1
45	45	Bộ sinh phẩm xét nghiệm Realtime RT-PCR phát hiện SARS-CoV-2-	Phát hiện gen E bằng phương pháp Real-time RT-PCR trên các mẫu bệnh phẩm đường hô hấp. - Tích hợp chứng nội trong bộ kit để loại bỏ âm tính giả do quá trình lấy mẫu, xử lý mẫu. - Giới hạn phát hiện: từ 5 bản sao/phản ứng; - Độ đặc hiệu: 100%. Tương thích máy Realtime PCR Stratagene Mx3005P	Test	1.000
46	46	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit hoặc tương đương	Sử dụng cho phản ứng RT Realtime PCR 1 bước, bao gồm: 2x Reaction Mix (0,4mM mỗi dNTP và 6nM MgSO4) ≥12,5mL, MgSO4 nồng độ 50mM ≥2x1ml, ROXTM ReferenceDye nồng độ 25μM ≥500μL.	Test	96
47	47	SuperScript III RT/Platinum Taq Mix hoặc tương đương	Enzyme phiên mã ngược: SuperScript III/Platinum Taq Mix Thành phần: hỗn hợp enzyme 1 bước, đệm phản ứng 2X, Nước không chứa RNase, Magic Sulfat (50 mM), đại tham chiếu ROX (25μM). 100 test/bộ	Test	96
48	48	Bộ hỗn hợp Môi, probe gene E	Bộ hỗn hợp Môi, probe gene E phát hiện virus Sars-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR . 96 test/bộ. Tương thích máy Realtime PCR Stratagene Mx3005P	Test	96
49	49	Chủng Staphylococcus aureus	Phân tích Staphylococcus aureus. 1 ống/gói	Gói	2
50	50	Chủng Escherichia coli	Phân tích Escherichia coli. 1 ống/gói	Gói	2
51	51	Kit tách chiết nucleic acid virus	Dùng cho xét nghiệm PCR Covid	Test	1.100
52	52	Cồn tuyệt đối dùng trong sinh học phân tử	Công thức hóa học: C₂H₅OH; Khối lượng phân tử: 46,07g/mol; Tinh khiết: 99,9%; - Dùng cho sinh học phân tử.	ml	2.000

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
53	53	Ortho-phthalaldehyde	Công thức là $C_6H_4(CHO)_2$ hay 1,2-benzenedicarboxaldehyde. Dung dịch 0.55% OPA màu xanh dương, trong suốt, pH 7.5; Can từ 3lít đến 5 lít	Lít	305
54	54	Cocopropylene Diamine hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình cho dụng cụ y tế chứa 20% kl/kl Cocopropylene Diamine. Can 5 lít	Can	4
55	55	Glycerin 500 ml	Hoá chất Glycerin. Lọ 500 ml	Lọ	26
56	56	Reaction Vessel	Công phản ứng được dùng cho phân tích mẫu, sử dụng trong hệ thống máy xét nghiệm ARCHITECT. Thùng 8 túi x 500 cái. Tương thích máy ARCHITECT I2000SR	Hộp	23
57	57	Hóa chất sát khuẩn Anios hoặc tương đương	Chất hoạt động bề mặt không ion, hoạt chất bôi trơn, chất bảo quản, không chứa silicone. Chai 1 lít	Chai	15
58	58	Acid Citric	Dạng rắn	Kg	1.200
59	59	Dầu Parafin	chất lỏng có độ trơn, trong suốt, chai 500ml	Chai	21
60	60	Dịch ngâm rửa màng lọc thận nhân tạo	Acetic acid 7,83%, Hydrogen peroxid 26,53%, Peracetic acid 5,00% . Can 5 lít	Can	120
61	61	Formaldehyde	Dịch Formaldehyde, chai 1 lít	Chai	96
62	62	Keo dán lam	Tạo độ trong và giữ độ bền cho màu nhuộm, chai 118ml	Chai	1
63	63	Nước rửa phim auto Fixer+AutoDvelope	Bộ thuốc bao gồm: thuốc hiện hình và hãm hình	Bộ	2
64	64	Than hoạt tính	Bột than hoạt tính	Kg	2
65	65	Vôi soda	Vôi soda dùng trong y tế, chai 500gram	Chai	160
66	66	Dầu soi kính	Dầu trong suốt có chiết suất cao, làm giảm đáng kể sự tán xạ ánh sáng do đó làm tăng độ phân giải của hình ảnh	Lọ	1
67	67	Dung dịch Giêm sa	Dung dịch màu nâu, mùi hắc, dễ bay hơi, lọ 500ml	Lọ	2
68	68	Eosin 1%	Eosin 1% , Eosina 1%, Chai 500ml	Chai	2
69	69	Hematoxylin	Dạng dung dịch, sử dụng nhuộm tiêu , chai 500ml	Chai	2
70	70	Parafin hạt	Dạng hạt; màu trắng; tinh khiết; nhiệt độ nóng chảy trong khoảng từ 55 độ C đến 60 độ C; sử dụng để đúc bệnh phẩm	Kg	10
71	71	Toluen	Thành phần: toluen; sử dụng trong y tế, chai 500ml	Chai	156
72	72	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 10 giây	Test	100
73	73	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 35 giây	Test	100
74	74	Que thử hiệu năng Peracetic Acid trong chạy thận nhân tạo	Dùng để thử “hiệu lực”; “hiệu năng” hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây	Test	100
75	75	Que thử tồn dư Clo trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để phát hiện thuốc tẩy clo tồn dư (natri hypochlorite) trong dung dịch đã được sử dụng để rửa các ống thẩm tách Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.5, 1, 2 và 5 ppm Không dùng Que thử tồn dư Clo để xác định nồng độ Clo lớn hơn 5 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 35 giây	Test	100

STT	STT từng nhóm	Tên hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng
76	76	Que thử tồn dư Formaldehyde trong chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra nồng độ formaldehyde còn lại sau khi khử trùng và tráng rửa quả lọc, máy lọc máu, hệ thống nước hoặc thiết bị thẩm thấu ngược (RO). Có thể kiểm tra nồng độ Formaldehyde từ: 0, Trace (dạng vết), 2.5 và 5 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 3 phút	Test	100
77	77	Que thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm	Test	100
78	78	Test hóa học kiểm soát diệt trùng EO 1251 hoặc tương đương	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chỉ thị sẽ chuyển màu đỏ sang màu xanh lá sau khi qua quá trình diệt khuẩn nhiệt độ thấp với khí Ethylen Oxide.	Que	720
79	79	Test kiểm soát thiết bị Bowie-Dick hoặc tương đương	Gói thử test Bowie-Dick kèm cảnh báo sớm. Gói thử đóng sẵn bao gồm tấm Bowie - Dick không chứa Chi để test chất lượng lò hút chân không ngoài ra còn giúp cảnh báo sớm về chất lượng hút chân không của lò hấp để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời khi chưa có sự cố về chất lượng hút chân không của lò xảy ra.	Miếng	120
Tổng cộng I: 79 mặt hàng					
II. Danh mục bổ sung mới					
80	1	TPHA	- Là xét nghiệm ngưng kết hạt thụ động in vitro phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. - Độ nhạy: > 99% - Độ đặc hiệu: > 99%	Test	700
81	2	Ông môi trường giữ chủng Cryobank hoặc tương đương	- Ông lưu giữ chủng vi khuẩn, chứa các hạt lưu trữ và có môi trường pha sẵn.	Ông	80
82	3	Glycerol	Glycerol $\geq 98\%$	ml	100
83	4	Chai cấy máu 2 pha	Chai có vách ngăn thành hai pha: pha đặc và pha lỏng; sử dụng nuôi cấy vi khuẩn trong bệnh phẩm máu. - Thể tích môi trường: 50 ml/chai	Chai	800
84	5	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn. - Thành phần: 0,45 % Sodium Chloride. - Tương thích máy Vitek2.	Lít	8
85	6	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn liên cầu khuẩn (AST ST03 hoặc tương đương)	- Thẻ kháng sinh đồ sử dụng cho liên cầu khuẩn. - Tương thích máy Vitek2.	Thẻ	80
86	7	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Vancomycin	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Vancomycin; Hộp 6 Chai x 4 mL. Các chất chuẩn có nồng độ: 0 - 69 $\mu\text{mol/L}$; sử dụng phù hợp máy Architect I 1000	Hộp	2
87	8	Định lượng Vancomycin	Hoá chất xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hóa phát quang (CMIA) để định lượng vancomycin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Hộp: 1 chai x 6,6 mL + 1 chai x 5,9 mL tương ứng hộp 100 test. Phù hợp máy Architect I 1000	Hộp	2
Tổng cộng: 08 mặt hàng					
Tổng cộng I + II: 87 mặt hàng					



Tên nhà thầu:
Địa chỉ:
Số điện thoại-email....

BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kĩ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1										
2										
Tổng cộng: mặt hàng										

(Giữ kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12)
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Danh mục hàng hóa theo Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;
- (2) Chung loại vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm (Tên thương mại/ tên thường dùng/ tên Tiếng Anh (nếu có)) tương ứng với từng danh mục hàng hóa ghi tại cột (1);
- (3) Đặc tính kĩ thuật (thông số kĩ thuật) của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chủng loại ghi tại cột (2);
- (4) Tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chủng loại ghi tại cột (2);
- (5) Mã HS của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;
- (6), (7) Năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;
- (8) Số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;
- (9) Đơn giá bằng đồng Việt Nam (VND) tương ứng với từng danh mục hàng hóa (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có));
- (11) Thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND) là toàn bộ đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí (9) của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm đã tính theo đúng số lượng, khối lượng (8) tương ứng;
- Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VTCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.